

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 08/02/2018.

V/v tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Lâm Sơn.

Ông Tôn Phước Thuận.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 555/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2 017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1991; (có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng Q, sinh năm 1988; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Q đám cưới vào năm 2013, do hai người quen biết, tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý cho tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung khoảng 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn lý do ông Q chỉ lo ăn chơi, nhậu nhẹt không lo làm ăn. Trong thời gian sống chung, bà N nhiều lần bỏ về nhà mẹ ruột ở và ông Q có qua năn nỉ, hứa sửa chữa lỗi lầm nên bà có quay về chung sống với ông Q một thời gian nhưng ông Q vẫn không thay đổi nên hai người không còn sống chung

khoảng 03 tháng nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục sống chung sẽ không tìm thấy hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng là Lê Hoàng Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2015. Hiện nay, cháu M đang do bà N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị N và anh Q cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N trình bày, nguyên nhân do anh Q chỉ lo ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo làm ăn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Mặt khác, anh Q biết được việc chị N yêu cầu ly hôn, nhưng không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nên việc chị N yêu cầu xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2015, hiện cháu M do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu M đang được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và phát triển bình thường, mặt khác hiện cháu M chưa được 36 tháng tuổi. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà N khởi kiện ông Q, ông Q có nơi cư trú ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà N và ông Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 194 ngày 25 tháng 11 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N xác định, thời gian vợ chồng sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn lý do ông Q thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con. Bà N xác định vợ chồng không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Xét thấy, bà N, ông Q không còn sống chung khoảng 01 năm nay nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau. Ông Q biết việc bà N khởi kiện ly hôn nhưng ông vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt theo các triệu tập của Tòa án. Từ đó, thấy rằng ông không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc bà N muốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2015. Hiện nay, cháu M đang do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu M đang sống ổn định với bà N và phát triển tốt. Bà N yêu cầu được nuôi cháu M, ông Q cũng không có ý kiến phản đối. Hơn nữa, hiện tại cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi nên có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà N là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà N xác định không có, nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Bà N xác định không có, nên không đề cập đến.

Ghi nhận bà N xác định vợ chồng không có nợ chung, Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Q vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng N.

[1]. Bà Nguyễn Thị Mộng N được ly hôn với ông Lê Hoàng Q.

[2]. Bà Nguyễn Thị Mộng N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2015. Hiện nay, cháu M đang sống với bà N.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà N xác định không có, nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Bà N xác định không có, nên không đề cập đến

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mộng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0014522 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Q có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong